

Hoàng Lan. Tiếng Quốc ca và lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu / Hoàng Lan, Phương Liên, Hoàng Trung // <https://danchuphapluat.vn>. - 2025. - Ngày 21 tháng 10.

Sáng 20/10/2025, khi toàn thể đại biểu Quốc hội đứng dậy, tay đặt lên ngực trái, hòa giọng hát vang “Đoàn quân Việt Nam đi. Sao vàng phấp phới...”, Hội trường Diên Hồng như lắng lại trong giây phút thiêng liêng. Giai điệu Quốc ca vang lên không chỉ là nghi thức trang trọng mở đầu cho một kỳ họp Quốc hội, mà còn là khúc nhạc kết nối xuyên suốt 80 năm lịch sử của Quốc hội Việt Nam - từ ngày đầu thành lập năm 1946 đến hôm nay.

Trong khoảnh khắc ấy, giữa sắc đỏ của Quốc kỳ, mỗi đại biểu có mặt tại Hội trường Diên Hồng và người dân theo dõi qua truyền hình đều cảm nhận rõ mạch nối giữa “Quốc hội đầu tiên” khi đất nước vừa giành độc lập và “Quốc hội hôm nay” đang mang trọng trách hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển và hội nhập.

Cất cao lời ca, "Vì Nhân dân, chiến đấu không ngừng..." đó là giây phút thiêng liêng để mỗi đại biểu nhớ rằng: Đại biểu Quốc hội là do Nhân dân bầu ra. Quốc hội được thành lập, bắt nguồn từ Nhân dân. Vì thế, Quốc hội phải hành động vì Nhân dân. Từ tiếng hát hôm nay, dòng cảm xúc như ngược về 80 năm trước.

Ngày 05/01/1946:

"Ngày mai mừng 6 tháng giêng năm 1946.

Ngày mai là một ngày sẽ đưa Quốc dân ta lên con đường mới mẻ.

....

Ngày mai, tất cả các bạn cử tri, đều phải nhớ đi bầu cử. Ngày mai, mỗi người đều nên vui vẻ hưởng quyền lợi của một người dân độc lập, tự do".



Các đại biểu thực hiện nghi thức chào cờ tại Phiên khai mạc Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV. (Ảnh tư liệu)

Và Chủ nhật, ngày 06/01/1946, từ sáng sớm, báo Sự thật phát lời kêu gọi Nhân dân: "Tất cả hãy đến thùng phiếu":

"Hỡi quốc dân Việt Nam!

Ngày hôm nay, 06 tháng giêng năm 1946, là ngày đại hội của toàn thể nhân dân ta mà cũng là ngày đấu tranh hiểm có trong lịch sử đất nước".

Báo Quốc hội, số đặc biệt ngày 06/01/1946 trân trọng in ở trang đầu ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và bút tích lời kêu gọi của Người: *"Khuyến đồng bào nam nữ 18 tuổi trở lên hôm nay tất cả đều đi bỏ phiếu, để bầu những người đại biểu xứng đáng vào Quốc hội đầu tiên của nước ta".*

Đáp lại lời kêu gọi thiêng liêng của Tổ Quốc, bằng cả ý chí sắt đá và tự hào của dân tộc quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do non trẻ vừa giành được, 71 tỉnh, thành trong cả nước, 89% tổng cử tri đã đi bỏ phiếu bầu được 333 đại biểu.

Ngày 02/3/1946, tại Nhà hát lớn Hà Nội, số 01 phố Tràng Tiền (thành phố Hà Nội), Quốc hội Việt Nam khóa I - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa họp kỳ đầu tiên thành lập Chính phủ chính thức do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và quyết định những vấn đề lớn của kháng chiến và kiến quốc.

Trong phiên họp ấy, 333 đại biểu được bầu chọn trong cuộc tổng tuyển cử toàn dân đầu tiên trong lịch sử đã tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân. Và cũng từ đó, “Quốc hội vì Nhân dân” trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong hành trình 80 năm xây dựng và phát triển đất nước.



*Báo Quốc hội, số đặc biệt ngày 06/01/1946 trân trọng in ở trang đầu ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và bút tích lời kêu gọi của Người.
(Ảnh tư liệu)*

Lập hiến: Hiến pháp năm 1946 - Bản khế ước thiêng liêng giữa Nhà nước và Nhân dân

Hiến pháp năm 1946 – bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam mới – một trong những văn kiện thể hiện sâu sắc tinh thần “Con đường vì Nhân dân” trong quá trình lập nước và lập hiến. Dù được soạn thảo và thông qua trong hoàn cảnh đất nước phải đối mặt với thù trong giặc ngoài, nhưng toàn bộ quá trình lập hiến bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai với sự tham gia rộng rãi của Nhân dân.

Hiến pháp năm 1946 là bản Hiến pháp lịch sử của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Hai tiếng thiêng liêng “công dân” được ghi nhận, Hiến pháp quy định tất cả công dân Việt Nam ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa và đều bình đẳng trước pháp luật. Đồng thời hiến định nghĩa vụ gắn liền với quyền công dân, người dân được hưởng các quyền do Hiến pháp quy định nhưng phải có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng Hiến pháp và tuân theo pháp luật.

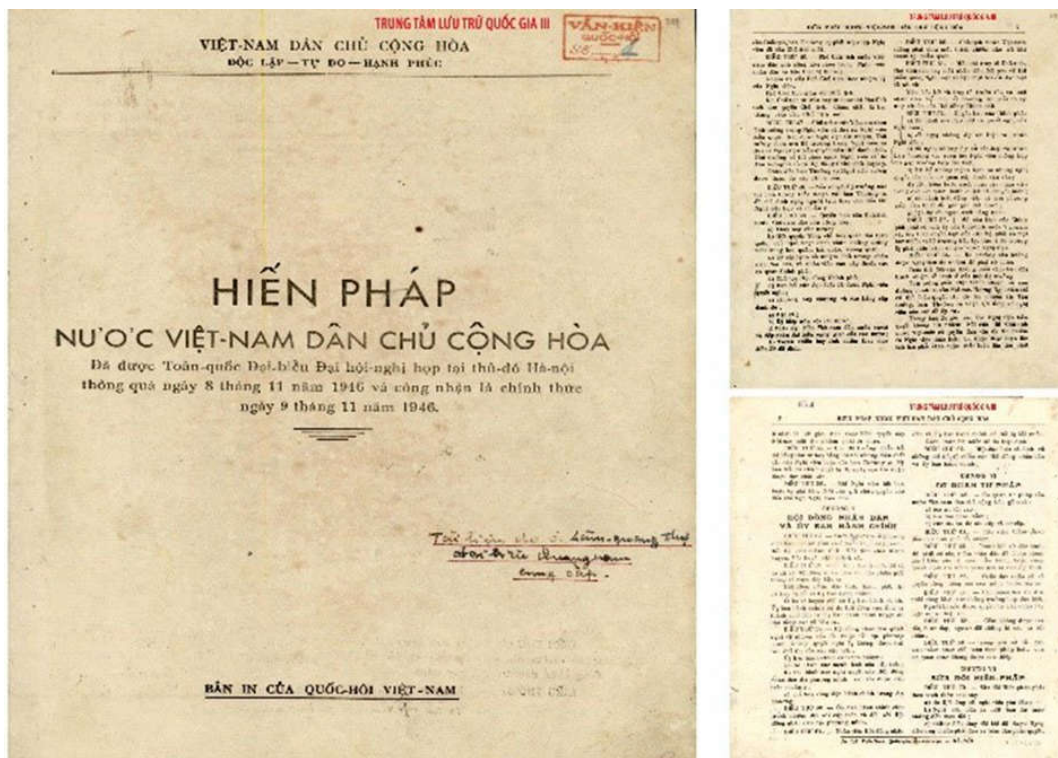


Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa I - Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, tại Nhà hát lớn Hà Nội. (Ảnh tư liệu)

Hiến pháp năm 1946 xác định: Nhà nước tồn tại để bảo vệ Nhân dân, mọi quyền lực thuộc về toàn thể Nhân dân. Nghị viện nhân dân (tên gọi của Quốc hội theo Hiến pháp năm 1946) là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa; Chủ tịch nước là người đứng đầu Chính phủ, được chọn trong Nghị viện nhân dân và phải được hai phần ba tổng số nghị viện bỏ phiếu thuận. Đây là sự khẳng định nguyên tắc tập trung quyền lực và có sự phối hợp chặt chẽ nhưng không tách rời - một tư tưởng lập hiến hiện đại mà đến nay vẫn giữ nguyên giá trị.

Chuyên gia, nhà nghiên cứu luật học, PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa khẳng định Hiến pháp năm 1946 là “bản hiến văn dân chủ vào loại bậc nhất Đông Nam châu Á lúc bấy giờ” và “đã có thể là một bản khế ước tốt để ràng buộc và không chế công bộc với lợi ích của ông chủ Nhân dân”.

TS. Nguyễn Minh Tuấn, Đại học Saarland, Cộng hòa liên bang Đức, cho rằng, điểm khác biệt và là nét độc đáo của Hiến pháp năm 1946 so với các bản Hiến pháp sau này là không theo bất kỳ một nguyên mẫu hiến pháp nào có sẵn trong lịch sử. Sau khi Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thành công, có một bản hiến pháp rất nổi tiếng và có hiệu lực ở Liên Xô thời điểm đó là Hiến pháp năm 1936, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh, một người chịu ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa Mác-Lênin, cũng không xem đây là khuôn mẫu khi xây dựng Hiến pháp năm 1946.



*Hiến pháp năm 1946 được đánh giá là bản hiến pháp dân chủ, tiên bộ.
(Ảnh tư liệu)*

Hai lần lập hiến và sự kế thừa tư tưởng dân chủ

Từ năm 1946 đến năm 1975, Quốc hội Việt Nam đã thông qua hai bản Hiến pháp: Hiến pháp năm 1946, đặt nền tảng cho Nhà nước Dân chủ Nhân dân và Hiến pháp năm 1959, ban hành sau khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đã bổ sung các thiết chế kinh tế, chính trị và xã hội mới, phù hợp với mô hình xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Hiến pháp năm 1959 tiếp tục khẳng định tư tưởng Quốc hội vì Nhân dân khi ghi nhận, bổ sung một số quyền công dân như “quyền khiếu nại, tố cáo”, “quyền nghi

ngôi”, “quyền nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt động văn hóa khác”.

Nếu Hiến pháp năm 1946 là khởi đầu của Nhà nước Dân chủ Nhân dân, thì Hiến pháp năm 1959 đã thể chế hóa con đường xã hội chủ nghĩa - hai giai đoạn tuy khác nhau về hình thái kinh tế, nhưng thống nhất ở cốt lõi: tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân.

Lập pháp: Dưới mưa bom khói lửa, vẫn kiên định xây dựng luật pháp của quốc gia độc lập

Hành trình lập pháp thời kháng chiến

Trong 14 năm hoạt động, Quốc hội khóa I đã xem xét, thông qua 11 đạo luật, trong đó có những đạo luật quan trọng, quy định về những quyền tự do cơ bản của người dân, về tổ chức bộ máy trong hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương, về lực lượng vũ trang nhân dân (như Luật Cải cách ruộng đất, Luật quy định quyền tự do hội họp, Luật quy định quyền lập hội, Luật Đảm bảo quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật và thư tín của Nhân dân, Luật Chế độ báo chí, Luật Công đoàn, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Chế độ phục vụ của sĩ quan quân đội nhân dân,...). Đến Quốc hội khóa II đã thông qua 06 luật; 09 pháp lệnh, tập trung vào việc tiếp tục hoàn thiện các thiết chế trong tổ chức bộ máy để phù hợp với bối cảnh đất nước trong thời kỳ kháng chiến.

Tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá I đã thông qua Bộ luật Lao động (ngày 08/11/1946). Đây được coi là thành tựu lập pháp đầu tiên trong lịch sử Quốc hội. Mặc dù trong bối cảnh hết sức khó khăn nhưng việc xem xét, thông qua Bộ luật Lao động được tiến hành theo trình tự, thủ tục lập pháp như nghị viện các nước.

Quốc hội hoạt động giữa hai miền và sức mạnh của đoàn kết

Sau năm 1954, đất nước chia cắt, nhưng Quốc hội khóa II (1960 - 1964), khóa III (1964 - 1971), khóa IV (1971-1975) duy trì cơ cấu đại biểu đại diện cho cả hai miền. Có 91 đại biểu khóa I miền Nam lưu nhiệm tại Quốc hội khóa II. Đó là biểu hiện của ý chí thống nhất quốc gia ngay trong điều kiện chia cắt; Quốc hội không chỉ là cơ quan quyền lực nhà nước, mà còn là biểu tượng của khát vọng hòa hợp dân tộc.



Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng và Chủ tịch UBTWQH Trường Chinh với các đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa IV, tháng 6/1971. (Ảnh tư liệu)

Trong các kỳ họp, Quốc hội tập trung thảo luận và ban hành nghị quyết khẳng định chủ quyền, thống nhất lãnh thổ, đồng thời thể chế hóa các chính sách kinh tế - xã hội nhằm khôi phục sản xuất ở miền Bắc, hỗ trợ kháng chiến ở miền Nam. Quốc hội khóa III họp 7 kỳ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội họp 95 phiên để xem xét, quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước; Quốc hội khóa IV (1971-1975) họp 5 kỳ họp và Ủy ban Thường vụ Quốc hội họp 53 phiên, thông qua 559 nghị quyết về giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Quyết định những vấn đề trọng đại: Khi nghị trường là mặt trận của Tổ quốc

Những nghị quyết mang tầm vận mệnh quốc gia

Trong giai đoạn 1946 - 1975, Quốc hội đã thông qua nhiều nghị quyết quan trọng liên quan trực tiếp đến vận mệnh quốc gia, như: Quyết định về tổ chức Tổng tuyển cử; Thành lập Chính phủ kháng chiến; Thông qua chính sách cải cách ruộng đất; Quyết định các vấn đề về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và đặc biệt là thông qua các nghị quyết về kinh tế - xã hội 05 năm.

Nghị quyết của Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa II đã thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 05 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), nhằm phân đầu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Công tác đối ngoại dần được thiết lập, chỉ tính riêng trong 04 năm, Quốc hội khóa II đã phê chuẩn 04 hiệp ước – hiệp định song phương, gồm: Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định Lãnh sự giữa Việt Nam và Tiệp Khắc; Nghị quyết phê chuẩn Hiệp ước Thương

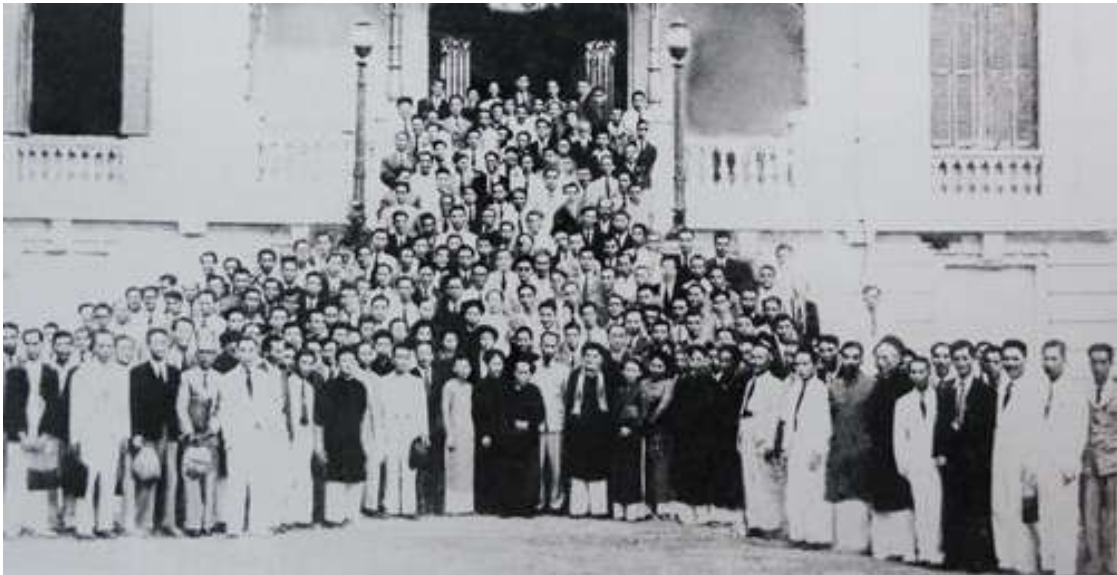
mại và Hàng hải giữa Việt Nam và Triều Tiên; Nghị quyết phê chuẩn Hiệp ước Thương mại và Hàng hải giữa Việt Nam và Trung Hoa; Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định Bru chính và điện chính giữa Việt Nam và Cuba.

Giám sát tối cao: Giữa khói lửa vẫn giữ ngọn đuốc giám sát quyền lực

Hình thức giám sát trong điều kiện đặc biệt

Những năm đầu nhiệm kỳ, điều kiện Chính phủ còn non trẻ, Quốc hội đã dành trọng tâm cho hoạt động lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng về tổ chức bộ máy, quyết định những nhiệm vụ quan trọng về đối nội, đối ngoại, kinh tế - xã hội nhằm kiến thiết đất nước. Chức năng giám sát của Quốc hội được Hiến pháp năm 1946 quy định ngắn gọn về quyền “kiểm soát và phê bình Chính phủ” (điểm c Điều thứ 36).

Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động chất vấn của Quốc hội được diễn ra ngay tại Kỳ họp Quốc hội thứ 2 của Quốc hội khoá I (ngày 28/10/1946, trước khi Hiến pháp năm 1946 được ban hành). Với 88 câu hỏi của đại biểu, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thành viên Chính phủ đã trả lời chất vấn từ sáng cho đến khuya ngày 31/10/1946. Trong đó quan điểm bao trùm của các câu hỏi chất vấn là chủ quyền đất nước, của dân tộc; vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân.



Các đại biểu dự kỳ họp thứ nhất, Quốc hội Khóa I tại Nhà hát Lớn Hà Nội (02/3/1946). (Ảnh tư liệu)

Điều đặc biệt thể hiện quyền dân chủ ngay từ những phiên họp đầu tiên khi Quốc hội cho phép công dân đến dự Phiên chất vấn nếu họ quan tâm. Người dân được vào dự thính kỳ họp, có quyền khen, chê Chính phủ. Sáng 31/10, người dân đến nghe chất vấn tăng đột biến, đứng ngồi kín trong và ngoài Nhà Hát Lớn. Ngoài ra, có đại diện các lãnh sự quán Anh, Mỹ, Trung Quốc, Thụy Sĩ, các phóng viên Mỹ, Pháp, Hoa và Việt Nam có mặt đông đủ. Đó là phương thức giám sát gián tiếp mà mạnh mẽ, đúng tinh thần Quốc hội của Nhân dân.

Bên cạnh chất vấn, giai đoạn này Quốc hội thực hiện giám sát thông qua hình thức nghe, thảo luận và cho ý kiến về các báo cáo của cơ quan nhà nước, khi xét thấy cần thiết Quốc hội cử các đoàn kiểm tra, giám sát thực tế tình hình thi hành Hiến pháp từ trung ương đến địa phương.

1946 - 1975: Hành trình bản sắc Quốc hội của Nhân dân

30 năm đầu tiên (1946 - 1975), với 4 nhiệm kỳ, một bức tranh vừa khốc liệt, vừa kỳ vĩ: Quốc hội Việt Nam được sinh ra trong khói lửa, lớn lên trong thử thách để trưởng thành. Đó là bản sắc của Quốc hội Việt Nam, vừa là cơ quan quyền lực tối cao, vừa là biểu tượng của khối đại đoàn kết dân tộc và là hiện thân của Nhà nước pháp quyền Nhân dân.

Từ bản Hiến pháp năm 1946 đến các luật về tổ chức bộ máy, về quyền công dân, từ các nghị quyết kháng chiến đến chính sách xã hội đầu tiên, mọi hoạt động đều hướng tới mục tiêu duy nhất là phục vụ Nhân dân, bảo vệ quyền tự do và quyền hạnh phúc của Nhân dân.

Con đường 1946 - 1975 là chặng đường khởi đầu, từ lời thề lập hiến đầu tiên đến nền tảng của Quốc hội hôm nay. Và, nếu điểm đến của mọi hành trình là “Nhân dân”, thì hành trình ấy chưa bao giờ dừng lại.